

Số: 1180 /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 01 tháng 8 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Thiết kế kỹ thuật và Dự toán đo đạc, chỉnh lý biên
động bản đồ địa chính; đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử
dụng đất, lập hồ sơ địa chính; xây dựng cơ sở dữ liệu trên địa bàn 09 xã
thuộc Khu Kinh tế Dung Quất

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI

CV
ĐẾN

Số:.....1136.8.....
Ngày:.....01/8/2012.....
Chuyên:.....

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày
26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 12/2002/NĐ-CP ngày 22/01/2002 của Chính phủ về
hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về
thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ
về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản
khác gắn liền với đất;

Căn cứ Thông tư 09/2007/TT-BTNMT ngày 02/8/2007 của Bộ Tài
nguyên và Môi trường hướng dẫn việc lập, chỉnh lý, quản lý hồ sơ địa chính;

Căn cứ Quyết định số: 08/2008/QĐ-BTNMT ngày 10/11/2008 của Bộ
Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy phạm thành lập bản đồ địa chính tỷ
lệ: 1:200, 1:500, 1:1000, 1:2000, 1:5000, và 1:10000;

Căn cứ Thông tư số 05/2009/TT-BTNMT ngày 01/06/2009 của Bộ Tài
nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu
công trình, sản phẩm địa chính;

Căn cứ Thông tư số 17/2009/TT-BTNMT ngày 21/10/2009 của Bộ Tài
nguyên và Môi trường quy định về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,
quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất;

Căn cứ Thông tư số 21/2011/TT-BTNMT ngày 20/6/2011 của Bộ Tài
nguyên và Môi trường về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy
phạm thành lập bản đồ địa chính tỷ lệ 1:200, 1:500, 1:1000, 1:2000, 1:5000 và
1:10000;

Căn cứ Quyết định số: 719/1999/QĐ-ĐC ngày 30/12/1999 của Tổng
cục Địa chính (nay là Bộ Tài nguyên và Môi trường) ban hành Ký hiệu bản
đồ địa chính tỷ lệ: 1/500; 1/1000; 1/2000; 1/5000;

Căn cứ Thông tư số 20/2010/TT-BTNMT ngày 22/10/2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định bổ sung về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Căn cứ Quyết định số 01/2010/QĐ-UBND ngày 11/01/2010 của UBND tỉnh ban hành Quy định về hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 1136/QĐ-UBND ngày 24/8/2010 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành đơn giá đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 1059/STNMT ngày 25/7/2012 về việc phê duyệt Thiết kế kỹ thuật và dự toán đo đạc, chỉnh lý biên động bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lập hồ sơ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu trên địa bàn 09 xã thuộc Khu Kinh tế Dung Quất; ý kiến của Sở Tài chính tại Công văn số 1548/STC-TCHCSN ngày 03/7/2012 về việc thẩm định dự toán đo đạc, chỉnh lý biên động bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lập hồ sơ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu trên địa bàn 09 xã thuộc Khu Kinh tế Dung Quất; đề xuất của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 04/SKHĐT-KTN ngày 04/01/2012 về việc đo đạc, chỉnh lý biên động bản đồ địa chính; đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lập hồ sơ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu trên địa bàn 09 xã thuộc Khu Kinh tế Dung Quất,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Thiết kế kỹ thuật và Dự toán đo đạc, chỉnh lý biên động bản đồ địa chính; đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lập hồ sơ địa chính; xây dựng cơ sở dữ liệu trên địa bàn 09 xã thuộc Khu Kinh tế Dung Quất, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Thiết kế kỹ thuật và dự toán đo đạc, chỉnh lý biên động bản đồ địa chính; đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lập hồ sơ địa chính; xây dựng cơ sở dữ liệu trên địa bàn 09 xã thuộc Khu Kinh tế Dung Quất.

2. Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi.

3. Đơn vị tư vấn lập Thiết kế kỹ thuật và Dự toán: Công ty TNHH Dịch vụ Thương Mại Hưng An

4. Địa điểm thực hiện: Các xã Bình Đông, Bình Thạnh, Bình Chánh, Bình Thuận, Bình Trị, Bình Hải, Bình Phước, Bình Hòa, Bình Phú, huyện Bình Sơn thuộc Khu Kinh tế Dung Quất.

5. Mục đích:

Mục đích của công tác đo đạc, chỉnh lý biên động bản đồ địa chính; đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; xây dựng cơ sở dữ liệu trên địa bàn 09 xã thuộc khu kinh tế Dung Quất nhằm:

- Xác định đầy đủ, rõ ràng, chính xác về ranh giới, diện tích, loại đất của từng thửa đất trên thực địa;

- Xác lập tính pháp lý của từng thửa đất và chủ sử dụng đất;

- Hỗ trợ cho công tác quản lý nhà nước về đất đai được thuận tiện và có hiệu quả;

- Phục vụ tốt nhất việc thực hiện quyền của chủ sử dụng đất một cách rõ ràng và minh bạch.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai, đặc biệt là thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng phục vụ các công trình đầu tư vào Khu kinh tế Dung Quất.

6. Quy mô đầu tư:

a) *Lưới địa chính*: Tổng số điểm 58 điểm; trong đó:

- Lập mới: 49 điểm; mức khó khăn 3;

- Tiếp điểm: 09 điểm; mức khó khăn 3.

b) *Đo đạc, lập bản đồ địa chính tỷ lệ 1/500*

- Diện tích đo vẽ tỷ lệ 1/500: 60,0 ha; trong đó:

+ Mức khó khăn 1: 47,0 ha;

+ Mức khó khăn 2: 13,0 ha.

c) *Đo đạc, lập bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1000*

- Diện tích đo vẽ tỷ lệ 1/1000: 3950,0 ha; trong đó:

+ Mức khó khăn 1: 1802,0 ha;

+ Mức khó khăn 2: 2148,0 ha.

d) *Đo đạc bổ sung, chỉnh lý biên động bản đồ địa chính tỷ lệ 1/500, 1/1000: 25566 thửa/1963,0 ha; trong đó:*

- Tỷ lệ 1/500: 1.750 thửa/61,0 ha; mức khó khăn 3;

- Tỷ lệ 1/1000: 23.816 thửa/1902,0 ha ; mức khó khăn 3.

e) *Cấp Giấy chứng nhận*:

Tổng số Giấy chứng nhận cần cấp là: 84.310 tờ; trong đó:

- Giấy chứng nhận cấp mới: 17.410 tờ; mức khó khăn 2;

- Giấy chứng nhận cấp đổi: 66.900 tờ; mức khó khăn 2.

f) *Xây dựng cơ sở dữ liệu*:

TT	Hạng mục công việc	ĐVT	Khối lượng	Mức khó	Ghi chú
----	--------------------	-----	------------	---------	---------

				<i>khẩn</i>	
1	Chuẩn hóa và chuyển đổi dữ liệu	ĐTQL	09 xã	2	ĐTQL: Đối tượng quản lý
2	Biên tập dữ liệu	ĐTQL	09 xã	2	
3	Kiểm tra sản phẩm	ĐTQL	09 xã	2	
4	Bảo trì cơ sở dữ liệu	ĐTQL	09 xã	2	
5	Nhập dữ liệu	Trường thông tin	92.741 thửa	2	

7. Tổng mức đầu tư: 28.562.000.000 đồng

a) Chi phí đơn giá sản phẩm: 25.002.500.000 đồng

b) Chi phí khác: 3.559.500.000 đồng

(Chi phí kiểm tra nghiệm thu, thuế VAT 10%)

8. Nguồn kinh phí thực hiện: Từ nguồn ngân sách tỉnh

a) Năm 2012: 956.000.000 đồng

b) Năm 2013: 13.606.000.000 đồng

c) Năm 2014: 14.000.000.000 đồng

9. Hình thức quản lý thực hiện dự án: Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Ngãi chủ dự án.

10. Thời gian thực hiện dự án: 03 năm (2012-2014)

(Kèm theo Thiết kế kỹ thuật và Dự toán đo đạc, chỉnh lý biến động bản đồ địa chính; đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; xây dựng cơ sở dữ liệu trên địa bàn 09 xã thuộc khu kinh tế Dung Quất).

Điều 2. Căn cứ Quyết định này, các Sở, ngành liên quan chịu trách nhiệm:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Tổ chức triển khai thực hiện đo đạc, chỉnh lý biến động bản đồ địa chính; đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; xây dựng cơ sở dữ liệu trên địa bàn 09 xã thuộc khu kinh tế Dung Quất đúng với các quy trình, quy phạm chuyên ngành và các quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu, bàn giao sản phẩm hoàn thành đúng quy trình, quy phạm kỹ thuật, đảm bảo chất lượng và thực hiện thanh, quyết toán công trình đúng theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm tham mưu trình UBND tỉnh bố trí nguồn kinh phí sự nghiệp tài nguyên hàng năm, đảm bảo cho Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện dự án hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch được giao.

3. Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi có trách nhiệm kiểm soát chi tiêu về việc đo đạc, chỉnh lý biến động bản đồ địa chính; đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; xây dựng cơ sở dữ liệu trên địa bàn 09 xã thuộc khu kinh tế Dung Quất đúng với các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, PCT CN) UBND tỉnh;
- VPUB: PVP(CN), CBTH;
- Lưu: VT, CN (Inphong207).

